



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN
THÔNG SỐ 1**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ năm 2013	14 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000266 ngày 06 tháng 3 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ 17 ngày 19 tháng 6 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:		50 tỷ VND
Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	2.866.820.000	5,74
Ông Nguyễn Doãn Lê Minh	2.069.960.000	4,14
Ông Từ Long	795.330.000	1,59
Bà Phạm Thị Thanh Tâm	1.530.000	0,01
Các cổ đông khác	47.133.180.000	94,26
Cộng	50.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (04) 3976 5086
Fax : (04) 3976 5123
E-mail : info@one.com.vn
Mã số thuế : 0 1 0 0 2 3 3 1 7 4

Đơn vị trực thuộc:

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Truyền thông số 1	Số 226 đường Khánh Hội, phường 6, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Buôn bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ về thương mại;
- Dịch vụ về điện tử, tin học;
- Sản xuất, chuyên giao các phần mềm;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Buôn bán các thiết bị viễn thông;
- Buôn bán các thiết bị chống sét;
- Tư vấn và thiết kế các hệ thống mạng thông tin tin học, viễn thông, chống sét, điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ;

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Buôn bán và cung cấp các thiết bị điện tử, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ (không bao gồm thiết kế công trình);
- Thi công lắp đặt, cài đặt các hệ thống mạng thông tin tin học, viễn thông, chống sét, điện công nghiệp đến 110 KV, báo cháy, báo trộm, bảo vệ;
- Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực viễn thông (bao gồm cả qua điện thoại);
- Tư vấn thiết kế, thi công lắp đặt và buôn bán thiết bị điện nhẹ công trình, hệ thống âm thanh công cộng, báo cháy, camera giám sát, kiểm soát ra vào, hệ thống quản lý và điều khiển công trình, hệ thống điều khiển tự động, thông tin nội bộ, hệ thống chuông cửa, hệ thống an toàn, kiểm soát giao thông, thiết bị truyền hình, hệ thống truyền hình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Cho thuê thiết bị điện tử, tin học, viễn thông và truyền hình./

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2013 thì lợi nhuận sau thuế năm 2012 được phân phối như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 9,96%: 650.000.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển 9,19%: 600.000.000 VND
- Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ 5,36%: 350.000.000 VND
- Chia cổ tức cho Cổ đông 4.924.900.000 VND tương đương tỷ lệ cổ tức là 10% vốn của chủ sở hữu.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lư Hồng Chiêu	Chủ tịch	10 tháng 4 năm 2010
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Chủ tịch	10 tháng 4 năm 2010
Ông Đặng Anh Phương	Ủy viên	30 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Doãn Lê Minh	Ủy viên	30 tháng 8 năm 2007
Ông Hoàng Hà	Ủy viên	30 tháng 8 năm 2007
Ông Nguyễn Hà Thanh	Ủy viên	30 tháng 8 năm 2007
Ông Đinh Quang Thái	Ủy viên	25 tháng 4 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Vũ Bình Minh	Trưởng ban	30 tháng 8 năm 2007
Ông Trần Minh Tân	Thành viên	31 tháng 01 năm 2008
Bà Đỗ Liên Hương	Thành viên	31 tháng 01 năm 2008

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đặng Anh Phương	Tổng Giám đốc	30 tháng 11 năm 2007
Ông Lưu Hồng Chiếu	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	08 tháng 9 năm 2007
Ông Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 9 năm 2007
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2009
Ông Nguyễn Hà Thanh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN	01 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đặng Anh Phương

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

5-00
HÀNH
CÔNG TY
M HỮU
VÀ TU
* C
A NỘ
- TP



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 324/2013/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013, từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Truyền thông số 1. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số giấy CNDKHN kiểm toán viên: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Kiểm toán viên

Lê Văn Khoa

Số giấy CNDKHN kiểm toán viên: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.064.458.348	149.653.966.469
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.800.487.915	17.711.864.046
1. Tiền	111		2.370.783.415	12.486.364.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.429.704.500	5.225.500.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.703.859.171	91.676.819.450
1. Phải thu khách hàng	131		49.216.249.647	48.042.422.477
2. Trả trước cho người bán	132	V.2	26.645.468.309	45.328.731.459
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.433.056.046	1.459.552.456
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(2.590.914.831)	(3.153.886.942)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	56.250.908.818	33.992.658.582
1. Hàng tồn kho	141		57.742.031.181	35.483.780.945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.491.122.363)	(1.491.122.363)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.309.202.444	6.272.624.391
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	72.509.815	43.057.825
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.171.828	241.910.557
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	384.156.585	379.452.488
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	7.848.364.216	5.608.203.521

ANH
/

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.717.477.924	23.626.204.106
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.763.773.671	4.088.441.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.433.478.333	2.758.145.969
<i>Nguyên giá</i>	222		5.476.112.604	6.552.172.606
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.042.634.271)	(3.794.026.637)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	36.975.060
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	(36.975.060)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.330.295.338	1.330.295.338
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.953.704.253	19.537.762.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	19.953.704.253	19.537.762.799
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.781.936.272	173.280.170.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		109.924.575.491	110.012.989.810
I. Nợ ngắn hạn	310		99.982.179.871	101.954.942.241
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	30.459.499.947	21.249.800.089
2. Phải trả người bán	312	V.14	13.572.211.133	16.680.399.516
3. Người mua trả tiền trước	313		43.015.532.818	41.698.972.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	6.046.841.064	9.920.496.824
5. Phải trả người lao động	315		418.897.103	3.672.630.351
6. Chi phí phải trả	316	V.16	466.304.209	2.186.183.971
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	5.308.094.922	6.226.597.196
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	694.798.675	319.862.294
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.942.395.620	8.058.047.569
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		9.942.395.620	8.058.047.569
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.857.360.781	63.267.180.765
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	60.857.360.781	63.267.180.765
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.250.000.000	1.900.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(465.870.000)	(465.870.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.775.377.737	5.175.377.737
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.297.853.044	6.657.673.028
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		170.781.936.272	173.280.170.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		49.702.220	77.577.876
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.556,51	1.944,01
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

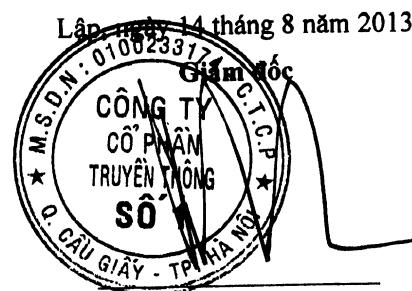
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	121.279.791.989	105.337.431.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	16.027.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		121.279.791.989	105.321.404.202
4. Giá vốn hàng bán	11		103.467.307.549	83.744.722.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.812.484.440	21.576.681.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		398.434.231	428.664.566
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	1.950.454.274	2.471.544.570
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.680.685.552	2.016.106.927
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	2.106.193.771	2.089.820.431
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6.899.566.090	9.729.176.263
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.254.704.536	7.714.805.105
11. Thu nhập khác	31	VI.5	223.442.037	28.133.930
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.267.770.705	49.887.119
13. Lợi nhuận khác	40		(2.044.328.668)	(21.753.189)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.210.375.868	7.693.051.916
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.045.295.852	1.930.812.096
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.165.080.016</u>	<u>5.762.239.820</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>643</u>	<u>1.170</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Nguyệt



Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.210.375.868	7.693.051.916
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	480.279.709	486.128.666
- Các khoản dự phòng	03	(562.972.111)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	20.074.172	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(307.673.543)	-
- Chi phí lãi vay	06	1.680.685.552	2.016.106.927
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.520.769.647	10.195.287.509
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.957.605.223	(23.700.487.930)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(22.258.250.236)	(25.448.077.812)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4.499.668.851)	(2.844.169.196)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(148.709.411)	209.695.476
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.526.936.716)	(1.837.405.735)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.408.173.950)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	211.093.810	77.017.963.413
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(920.653.314)	(80.168.047.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.072.923.798)	(46.575.241.936)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(452.296.106)	(204.771.296)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	313.595.342	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(138.700.764)	(204.771.296)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	38.273.873.378	84.138.580.986
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.064.173.520)	(59.530.007.465)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.909.735.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.299.964.858	24.608.573.521
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(9.911.659.704)	(22.171.439.711)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 17.711.864.046	27.272.401.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	283.573	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 7.800.487.915	5.100.962.030

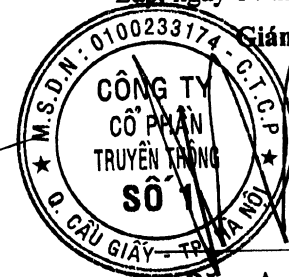
Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2013



Giám đốc

Đặng Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu (cuối) của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ về điện tử, tin học; Buôn bán các thiết bị viễn thông; Tư vấn và thiết kế các hệ thống mạng thông tin tin học, viễn thông, chống sét, điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ; Buôn bán và cung cấp các thiết bị điện tử, tin học, các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ (không bao gồm thiết kế công trình); Thi công lắp đặt, cài đặt các hệ thống mạng thông tin tin học, viễn thông, chống sét, điện công nghiệp đến 110 KV, báo cháy, báo trộm, bảo vệ.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 90 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 89 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí mua Quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm

Chi phí mua Quyền sử dụng đất là số tiền Công ty bỏ ra để mua Quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chi phí mua Quyền sử dụng đất này được phân bổ theo thời hạn thuê đất còn lại kể từ khi tài sản xây dựng trên đất hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Chi phí sửa chữa trụ sở

Chi phí sửa chữa trụ sở phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng hoặc theo thời hạn hiệu lực của loại chi phí đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.828 VND/USD
30/06/2013 : 21.036 VND/USD

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	97.858.194	22.456.974
Tiền gửi ngân hàng	2.272.925.221	12.463.907.072
Các khoản tương đương tiền	5.429.704.500	5.225.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	5.429.704.500	5.225.500.000
Cộng	<u>7.800.487.915</u>	<u>17.711.864.046</u>

2. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước nhà cung cấp trong nước	1.786.513.231	2.725.755.811
Trả trước nhà cung cấp nước ngoài	24.858.955.078	42.602.975.648
Cộng	<u>26.645.468.309</u>	<u>45.328.731.459</u>

3. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vật tư, hàng hóa cho mượn	1.106.004.898	880.277.384
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	76.759.163	82.680.962
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Thuận Thành tiền bán tài sản trên đất		400.000.000
Phải thu ông Đặng Anh Phương tiền thẻ tín dụng	197.612.728	
Phải thu khác	52.679.257	96.594.110
Cộng	<u>1.433.056.046</u>	<u>1.459.552.456</u>

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		(3.153.886.942)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(67.430.910)	(2.612.724.899)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(541.162.043)	(541.162.043)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(1.982.321.878)	
Cộng	<u>(2.590.914.831)</u>	<u>(3.153.886.942)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(3.153.886.942)	(534.147.082)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.009.294.242)	
Hoàn nhập dự phòng	2.572.266.353	
Số cuối kỳ	<u>(2.590.914.831)</u>	<u>(534.147.082)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.667.849.047	24.102.846.815
Thành phẩm	12.074.182.134	11.380.934.130
Cộng	57.742.031.181	35.483.780.945
Dự phòng giảm giá đối với hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển	(1.491.122.363)	(1.491.122.363)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	56.250.908.818	33.992.658.582

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo hiểm tài sản	16.006.115	22.773.750
Chi phí dịch vụ mail offline, hosting mail, bảo trì phần mềm kế toán	7.352.033	11.589.073
Chi phí thuê văn phòng	49.151.667	
Chi phí trả trước khác		8.695.002
Cộng	72.509.815	43.057.825

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế nhập khẩu nộp thừa.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4.721.295.040	2.915.855.040
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.127.069.176	2.692.348.481
Cộng	7.848.364.216	5.608.203.521

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	13.490.476	3.287.393.408	3.251.288.722	6.552.172.606
Tăng do mua sắm mới			452.296.106	452.296.106
Giảm do thanh lý			(35.691.650)	(35.691.650)
Giảm theo qui định tại thông tư 45/2013/TT-BTC	(13.490.476)		(1.479.173.982)	(1.492.664.458)
Số cuối kỳ	0	3.287.393.408	2.188.719.196	5.476.112.604
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		512.042.947	932.884.941	1.444.927.888

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	13.490.476	1.444.164.795	2.336.371.366	3.794.026.637
Tăng do khấu hao		264.852.101	215.427.608	480.279.709
Giảm do thanh lý			(35.691.650)	(35.691.650)
Giảm theo qui định tại thông tư 45/2013/TT-BTC	(13.490.476)		(1.182.489.949)	(1.195.980.425)
Số cuối kỳ		1.709.016.896	1.333.617.375	3.042.634.271
Giá trị còn lại				
Số đầu năm		1.843.228.613	914.917.356	2.758.145.969
Số cuối kỳ		1.578.376.512	855.101.821	2.433.478.333

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	36.975.060	36.975.060	-
Giảm theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC	36.975.060	36.975.060	
Số cuối năm	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng trụ sở văn phòng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng do chuyển từ TSCĐ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	142.101.804	367.893.988	296.684.033	150.415.078	656.264.747
Chi phí sửa chữa trụ sở	108.597.666	31.989.545		52.720.205	87.867.006
Chi phí mua Quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm	19.000.000.000				19.000.000.000
Phí quản lý tài sản đảm bảo	276.000.000			69.000.000	207.000.000
Đánh giá xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng	8.333.329			8.333.329	
Phí tên miền One.com	2.730.000			157.500	2.572.500
Cộng	19.537.762.799	399.883.533	296.684.033	280.626.112	19.953.704.253

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.050.423.947	18.695.724.089
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(a)	13.928.063.460	512.625.000
Ngân hàng TMCP Quân đội ^(b)	13.122.360.487	1.499.999.945
Ngân hàng Công thương Việt Nam		16.683.099.144
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.409.076.000	2.554.076.000
Cộng	30.459.499.947	21.249.800.089

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ việc thực hiện các hợp đồng kinh tế năm 2010- 2011. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng hóa hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ từ các phương án ngân hàng tài trợ, phát hành bảo lãnh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.695.724.089	33.673.873.378	25.319.173.520	27.050.423.947
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.554.076.000	4.600.000.000	3.745.000.000	3.409.076.000
Cộng	21.249.800.089	38.273.873.378	29.064.173.520	30.459.499.947

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp nước ngoài	3.226.946.076	7.402.714.982
Nhà cung cấp trong nước	10.345.265.057	9.277.684.534
Cộng	13.572.211.133	16.680.399.516

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.183.306.254	3.243.814.290	3.283.792.332	2.143.328.212
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	204.239.813	6.207.508.624	6.407.576.589	4.171.848
Thuế xuất, nhập khẩu	(379.452.488)	30.863.092	35.567.189	(384.156.585)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.537.406.442	2.045.295.852	6.408.173.950	2.174.528.344
Thuế thu nhập cá nhân	287.243.334	861.381.909	995.291.209	153.334.034
Các loại thuế khác	708.300.981	1.574.478.626	711.300.981	1.571.478.626
Cộng	9.541.044.336	13.963.342.393	17.841.702.250	5.662.684.479

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

<i>Trong đó</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(384.156.585)	(379.452.488)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	6.046.841.064	9.920.496.824
Cộng	<u>5.662.684.479</u>	<u>9.541.044.336</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.210.375.869	7.693.051.916
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.374.160.848	30.196.468
+ Các khoản chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh, không đủ chứng từ hợp lý hợp lệ	147.600.548	30.196.468
+ Các khoản phạt, truy thu thuế	2.226.560.300	
Thu nhập chịu thuế	7.584.536.717	7.723.248.384
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.896.134.179</u>	<u>1.930.812.096</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>149.161.673</u>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>2.045.295.852</u>	<u>1.930.812.096</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	246.108.836	92.360.000
Thù lao Hội đồng quản trị		300.000.000
Chi phí kiểm toán		100.000.000
Chi phí hỗ trợ dự án ATVN	190.750.000	624.840.000
Chi phí Thi công mạng tại trụ sở ANTV - 01 Lê Đức Thọ		49.972.000
Giá vốn Hợp đồng dịch vụ DA2012-2012/FPS -		531.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty TNHH Phân Phối FPT cho HĐ 4201211046/ ANTV và HĐ 4201212050/Hiệp Thành		
Giá vốn Hợp đồng dịch vụ kéo và thu hồi cáp quang cho Cty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện		460.000.000
Chi phí sản xuất kinh doanh	29.445.373	27.261.971
Cộng	466.304.209	2.186.183.971
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	121.654.740	93.620.640
Cổ tức lợi nhuận phải trả	4.925.045.000	5.909.880.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	55.845.182	
Vay cá nhân không tính lãi	200.000.000	200.000.000
Phải trả, phải nộp khác	5.550.000	23.096.556
Cộng	5.308.094.922	6.226.597.196

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có Quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	319.862.294	399.880.094
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	650.000.000	600.000.000
Thu lại tiền nghỉ mát	210.869.000	136.657.500
Chi quỹ	(485.932.619)	(89.300.000)
Số cuối kỳ	694.798.675	1.047.237.594

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	1.900.000.000	(465.870.000)	5.175.377.737	6.657.673.028	63.267.180.765
Lợi nhuận trong kỳ nay					3.165.080.016	3.165.080.016
Trích lập các quỹ trong kỳ này		350.000.000		600.000.000	(1.600.000.000)	(650.000.000)
Chia cổ tức năm nay					(4.924.900.000)	(4.924.900.000)
Số dư cuối kỳ nay	50.000.000.000	2.250.000.000	(465.870.000)	5.775.377.737	3.297.853.044	60.857.360.781

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	2.250.000.000	1.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	(465.870.000)	(465.870.000)
Cộng	51.784.130.000	51.434.130.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Trả cổ tức năm trước	5.929.591.556	

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	75.100	75.100
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.924.900	4.924.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	121.643.943.865	105.337.431.475
Giảm giá hàng bán		(16.027.273)
Doanh thu thuần	121.643.943.865	105.321.404.202

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	307.673.543	274.235.700
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.760.688	154.428.866
Cộng	398.434.231	428.664.566

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.680.685.552	2.016.106.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20.074.172	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	249.694.550	455.437.643
Cộng	1.950.454.273	2.471.544.570

4. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.632.200	36.962.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	75.092.013	130.801.592
Chi phí bảo hành	71.413.154	118.860.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.313.139.067	1.029.765.095
Chi phí bằng tiền khác	640.917.337	773.430.260
Cộng	2.106.193.771	2.089.820.431

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.124.959.337	6.696.283.914
Chi phí vật liệu quản lý	39.989.269	230.533.880
Chi phí đồ dùng văn phòng	384.994.059	434.408.544
Chi phí khấu hao TSCĐ	480.279.709	240.369.303
Thuế, phí và lệ phí	54.040.337	7.236.165
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(562.972.111)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	958.856.010	986.693.261
Chi phí bằng tiền khác	1.419.419.480	1.133.651.196
Cộng	6.899.566.090	9.729.176.263

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thưởng bán hàng, hỗ trợ khuyến mại	184.602.083	10.435.260
Nhà cung cấp giảm giá hàng bán		2.762.000
Chênh lệch phí vận chuyển	37.239.772	14.934.059
Thanh lý công cụ dụng cụ	1.600.000	
Xử lý công nợ nhỏ lẻ		2.611
Thu nhập khác	182	
Cộng	223.442.037	28.133.930

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	34.384.750	30.196.468
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.227.794.927	14.323.880
Xử lý công nợ nhỏ lẻ		401
Các khoản chi phí khác	5.591.028	5.366.370
Cộng	2.267.770.705	49.887.119

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.165.080.016	5.762.239.820
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.924.900	4.924.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	639	1.170

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.924.900	4.924.900
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.924.900	4.924.900

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phân loại giá trị còn lại những tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn sang chi phí trả trước dài hạn	296.684.033	

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lư Hồng Chiêu	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Anh Phương	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hà	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hà Thanh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh
Ông Đinh Quang Thái	Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Kế toán trưởng

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng tiền công tác	79.055.000	342.979.457
Thu tiền tạm ứng	25.000.000	705.130.457
Trả hộ tiền thẻ visa và chi hộ khác	198.771.825	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền tạm ứng	199.344.000	145.289.000
Phải thu tiền thẻ visa và các khoản chi hộ	205.024.228	
Cộng nợ phải thu	404.368.228	145.289.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	784.600.000	585.436.742

2. Thông tin về bộ phận

Thuyết minh báo cáo bộ phận chính yếu được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc và miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	113.208.739.913	8.071.052.076		121.279.791.989
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.626.912.289		(1.626.912.289)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.835.652.202	8.071.052.076	(1.626.912.289)	121.279.791.989
Chi phí bộ phận	103.802.535.276	10.297.444.423	(1.626.912.289)	112.473.067.410
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.033.116.926	(2.226.392.347)		8.806.724.579
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.806.724.579
Doanh thu hoạt động tài chính				398.434.231
Chi phí tài chính				(1.950.454.274)
Thu nhập khác				223.442.037
Chi phí khác				(2.267.770.705)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.045.295.852)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.165.080.016
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	236.179.976	319.315.630		555.495.606
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	320.080.628	456.883.114		776.963.742
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.862.669.290	19.458.734.912		105.321.404.202
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	6.059.287.120		(6.059.287.120)	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.921.956.410	19.458.734.912	6.059.287.120	105.321.404.202

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí bộ phận	81.334.887.598	20.288.118.615	(6.059.287.120)	95.563.719.093
Kết quả kinh doanh theo bộ phần	10.587.068.812	(829.383.703)		9.757.685.109
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.757.685.109
Doanh thu hoạt động tài chính				428.664.566
Chi phí tài chính				(2.471.544.570)
Thu nhập khác				28.133.930
Chi phí khác				(49.887.119)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.930.812.096)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.762.239.820
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	73.795.686	167.391.292		241.186.978
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	498.811.302	184.949.045		683.760.347

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	170.733.576.223	13.241.030.613	(13.192.670.564)	170.781.936.272
Tổng tài sản	170.733.576.223	13.241.030.613	(13.192.670.564)	170.781.936.272
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	107.844.709.953	13.241.030.613	(11.161.165.075)	109.924.575.491
Tổng nợ phải trả	107.844.709.953	13.241.030.613	(11.161.165.075)	109.924.575.491
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	154.055.353.647	19.224.816.928		173.280.170.575
Tổng tài sản	154.055.353.647	19.224.816.928		173.280.170.575
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	106.367.833.132	3.645.156.678		110.012.989.810
Tổng nợ phải trả	106.367.833.132	3.645.156.678		110.012.989.810

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.800.487.915				7.800.487.915
Phải thu khách hàng	39.557.903.906	1.982.321.878		676.023.863	49.216.249.647
Các khoản phải thu khác	4.560.125.222				4.560.125.222
Cộng	51.918.517.043	1.982.321.878		676.023.863	61.576.862.784
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.711.864.046				17.711.864.046
Phải thu khách hàng	38.792.177.436			9.250.245.041	48.042.422.477
Các khoản phải thu khác	3.751.900.937		400.000.000		4.151.900.937
Cộng	60.255.942.419		400.000.000	9.250.245.041	69.906.187.460

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm		400.000.000
Cộng		400.000.000

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.
Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	30.459.499.947			30.459.499.947
Phải trả người bán	13.572.211.133			13.572.211.133
Các khoản phải trả khác	5.596.899.209			5.596.899.209
Cộng	49.628.610.289			49.628.610.289
Số đầu năm				
Vay và nợ	21.249.800.089			21.249.800.089
Phải trả người bán	16.680.399.516			16.680.399.516
Các khoản phải trả khác	8.319.160.527			8.319.160.527
Cộng	46.249.360.132			46.249.360.132

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.556,51	1.944,01
Vay và nợ		(1.885.701,01)
Phải trả người bán	(486.555,76)	(353.968,57)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(484.999,25)	(2.237.725,57)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 153.036.662 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 680.406.842 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 456.892.499 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 845.930.334 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay/kỳ này không thay đổi nhiều so với kỳ trước.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

Địa chỉ: Số 135 phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.800.487.915		17.711.864.046		7.800.487.915	17.711.864.046
Phải thu khách hàng	49.216.249.647	(2.590.914.831)	48.042.422.477	(3.153.886.942)	46.625.334.816	44.888.535.535
Các khoản phải thu khác	4.560.125.222		4.151.900.937		4.560.125.222	4.151.900.937
Cộng	61.576.862.784	(2.590.914.831)	69.906.187.460	(3.153.886.942)	58.985.947.953	66.752.300.518

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	13.572.211.133	16.680.399.516	13.572.211.133	16.680.399.516
Vay và nợ	30.459.499.947	21.249.800.089	30.459.499.947	21.249.800.089
Các khoản phải trả khác	5.596.899.209	8.319.160.527	5.596.899.209	8.319.160.527
Cộng	49.628.610.289	46.249.360.132	49.628.610.289	46.249.360.132

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Đặng Anh Phương